

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 30-7-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1994 (có mặt)

ĐKNKTT: Thôn 3 (thôn 6 cũ), xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3 (thôn 6 cũ), xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh

Thanh Hóa ngày 03 tháng 4 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 5 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh Đ hay đi uống rượu về khuya, có chơi bài, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị nói thì anh Đ lại chửi bới đánh chị. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã phân tích hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Hiện chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 1 con chung là Lê Trâm A, sinh ngày 06/4/2016 đang ở với anh Đ cùng ông bà nội. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Cháu Trâm A là con gái vừa tròn 3 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị làm công ty thu nhập 11.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị X xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N. Quá trình chung sống, vợ chồng đã chia sẻ những khó khăn, niềm vui trong cuộc sống. Tuy nhiên, không tránh khỏi những va chạm, gặp khó khăn trong cuộc sống nhưng anh chưa bao giờ có ý định ly hôn chị X. Chị X về ngoại ở từ tháng 02/2019 đến nay không quan tâm đến anh, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị X xác định không còn tình cảm với anh nên xin được ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Số con chung và ngày tháng năm sinh của con, anh thống nhất như chị X đã trình bày. Nguyên vọng của anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Anh đi làm có thu nhập cao hơn chị X khoảng 25.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị X được ly hôn anh Đ; giao con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chị X phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về nội dung:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị X và anh Lê Văn Đ có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[1.2]. Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm. Trong cuộc sống anh, chị chưa thực sự quan tâm đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì mỗi người một nơi, không tìm cách giải quyết. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện chị X không có thai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị X xin được ly hôn, về phía anh Đ cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị X và anh Đ có 1 con chung là Lê Trâm A, sinh ngày 06/4/2016. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Về mức thu nhập anh chị đưa ra đảm bảo để nuôi con. Vì vậy, không có bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của anh chị là chính đáng. Song khi ly hôn giao nuôi con cho ai nuôi cần phải xem xét đến điều kiện về mọi mặt của con trẻ. Cháu Trâm A mới được 39 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hòa giải, anh Đ đã thống nhất giao con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng sau này anh lại thay đổi ý kiến, chứng tỏ trong tư tưởng của anh Đ cũng xác định con còn nhỏ nên giao cho chị X. Vì vậy, giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị X không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc anh Đ cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Chị X và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị X là nguyên đơn và không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị X được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Lê Trâm A, sinh ngày 06/4/2016. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001911 ngày 11/4/2019. Chấp nhận chị X đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị X, anh Đ. Chị X, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình